TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hà.

2. Ông Nguyễn Hoài Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 407/2023/QĐST-DS ngày 25/7/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 407/TB-TA ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị a**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 30 đường Lê Quang Chiểu, tổ 1 , khu vực 2, phường A i, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ là nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông *Nguyễn Thanh Bền*, sinh năm 1960. Địa chỉ: 130, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 24/10/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh).

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị b**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Sốc đường Ng , phường A i quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị a - có đại diện diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Bền trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên bà Lê Thị b (gọi tắt là bị đơn) có mượn tiền của bà Thảo số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), việc mượn tiền có làm biên nhận. Theo biên nhận mượn tiền ngày 10/9/2021, thì hai bên thỏa thuận thời gian trả tiền là là 06 tháng (tức đến ngày 10/4/2021) thì bà Sang trả tiền cho bà Thảo, thỏa thuận miệng. Kể từ khi đến hạn trả nợ thì bà Thảo đã nhiều lần gặp bà Sang trực tiếp hoặc gián tiếp (qua điện thoại), bà Sang gia hạn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật (Điều 468 BLDS 2015) kể từ ngày khởi kiện (Ngày 24/10/2022) cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Lãi suất 10%/năm tương đương 0.833%/tháng. Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/02/2023 là 04 tháng = 230.000.000 đồng x 0.833% = 7.600.000 đồng.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay số tiền bị đơn phải trả là 237.600.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Lê Thị b trình bày: Bà Sang có thiếu tiền hụi của bà Thảo là 117.000.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu). Bà Sang đã đóng lãi cho bà Thảo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất bà Thảo tính là 8%/tháng. Bà Thảo thừa nhận có ký 02 biên nhận nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và biên nhận nợ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà Thảo tự viết biên nhận, bà Sang thừa nhận có ký nhận. Bà Sang chỉ thừa nhận số nợ 117.000.000 đồng (Một trăm mươi bảy triệu) và đã đóng lãi 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Bà Sang chỉ đồng ý trả gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là bà Sang trả số nợ gốc 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn không đồng ý chỉ đồng ý trả 117.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng. Bà Thảo còn 2 biên nhận nợ, một biên nhận nợ 200.000.000 đồng và biên nhận 30.000.000 đồng. Biên nhận 230.000.000 đồng này là bà Thảo gộp hai biên nhận nhận trên lại.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp hay yêu cầu thu thập thêm chứng cứ nào khác. Bà Thảo chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền gốc là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi

suất. Biên nhận 230.000.000 đồng là được gộp lại từ biện nhận 200.000.000 đồng và biên nhận 30.000.000 đồng. Đối với biện nhận 200.000.000 đồng và biên nhận 30.000.000 đồng thì bà Thảo không nhớ ngày lập và không còn để nộp cho Tòa án, bà Thảo đã có bản tường trình lý do mất. Bà Sang vay để đáo nợ ngân hàng.

- Bị đơn: vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ngày 24/10/2022 Tòa án nhân dân quận Bình Thủy có nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị a đối với bà Lê Thị b. Bà Sang trú tại Sốc đường Ng , phường A i quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự:* Ngày 24/10/2022, bà Sang có mượn tiền của bà Thảo số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), giữa hai bên có lập Hợp đồng mượn. Thời hạn mượn là khi nào bà Thảo cần bà Sang sẽ trả lại tiền, không có thỏa thuận lãi suất. Khi bà Thảo cần nhưng bà Sang không trả tiền nên bà Thảo khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Căn cứ theo khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sư xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định của pháp luật tiền không phải là đối tượng của Hợp đồng mượn tài sản, vì tiền là vật tiêu hao (Điều 112 Bộ luật dân sự). Căn cứ theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Cao Thị a là nguyên đơn và bà Lê Thị b là bị đơn.

[3] *Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi suất. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất mà nguyên đơn đã rút.

[4] *Về thủ tục:* Bị đơn bà Lê Thị b đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Cao Thị a:*

Xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là "Hợp đồng mượn tài sản" có chữ ký của bà Thảo và bà Sang.

Vào ngày 10/9/2021 bị đơn có hỏi mượn số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), giữa hai bên có lập Hợp đồng mượn tài sản. Thời hạn mượn Thời hạn mượn là khi nào bà Thảo cần bà Sang sẽ trả lại tiền, không có thỏa thuận

suất. Khi bà Thảo cần nhưng bà Sang không trả tiền nên bà Thảo khởi kiện bà Sang. bà Thảo tự viết biên nhận, bà Sang thừa nhận có ký nhận.

Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay mượn tiền với nhau là hoàn toàn có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng mượn tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Khi đến hạn trả nợ bà Sang không trả tiền cho bà Thảo, mặc dù bà Thảo có yêu cầu nhiều lần, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Bà Thảo cho rằng bà Sang vay để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, bà Sang cho rằng bà Sang thiếu tiền hụi nên phải viết biên nhận cho bà Thảo nhưng bà Sang chỉ trình bày miệng, không nộp các chứng cứ để chứng minh cho Tòa án xém xét. Do đó, bà Sang trình bày không có căn cứ, Tòa án không có cơ sở xem xét. Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu khởi kiện của bà Thảo là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị b phải trả cho nguyên đơn bà Cao Thị a số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi.

[6] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án. Do đó, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Sang chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[7] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 95, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị a đối với bà Lê Thị b.

Buộc bà Lê Thị b phải có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị a số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm, ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị a đối với bà Lê Thị b về phần yêu cầu lãi suất theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị b phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.750.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Cao Thị a 5.750.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002936 ngày 05/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Loan